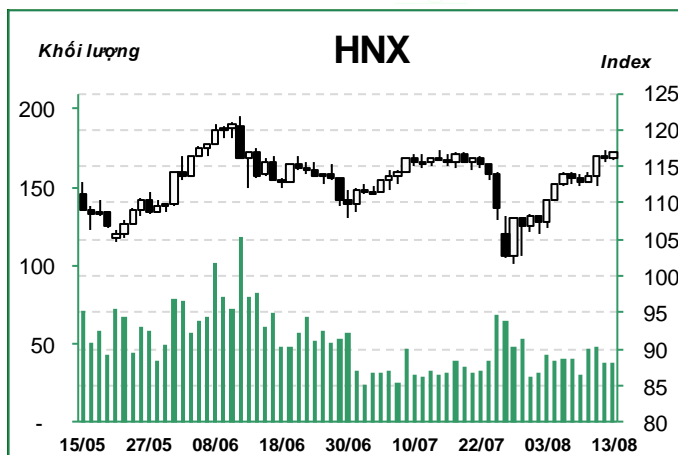
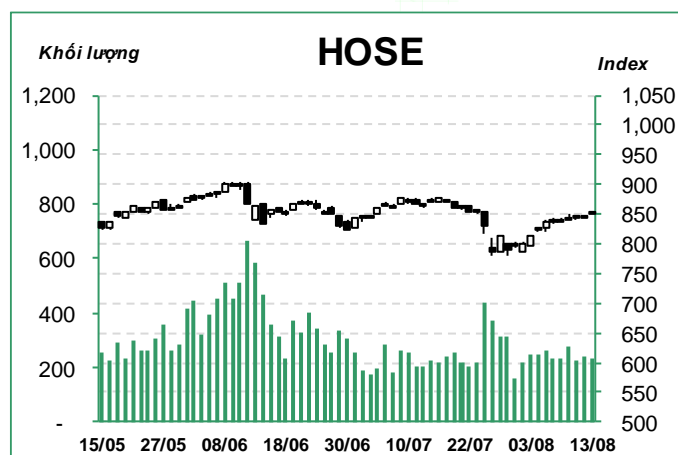


## Tổng quan thị trường

13/08/2020	HOSE		VN30		HNX	
	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %
<b>Giá trị đóng cửa</b>	<b>855.05</b>	<b>0.96%</b>	<b>795.09</b>	<b>0.85%</b>	<b>116.87</b>	<b>0.66%</b>
Cuối tuần trước	841.46	1.62%	782.15	1.65%	112.78	3.63%
Trung bình 20 ngày	830.07	3.01%	776.18	2.44%	111.88	4.46%
<b>Tổng KLGD (triệu cp)</b>	<b>256.24</b>	<b>-5.96%</b>	<b>66.85</b>	<b>-21.78%</b>	<b>65.88</b>	<b>49.23%</b>
<b>KLGD khớp lệnh</b>	<b>236.13</b>	<b>-0.96%</b>	<b>62.10</b>	<b>-13.68%</b>	<b>38.38</b>	<b>2.08%</b>
Trung bình 20 ngày	259.09	-8.86%	77.29	-19.65%	42.55	-9.81%
<b>Tổng GTGD (tỷ đồng)</b>	<b>4,448.43</b>	<b>-1.44%</b>	<b>1,912.59</b>	<b>-7.33%</b>	<b>989.03</b>	<b>70.67%</b>
<b>GTGD khớp lệnh</b>	<b>3,913.65</b>	<b>1.94%</b>	<b>1,712.47</b>	<b>-4.29%</b>	<b>415.02</b>	<b>-8.86%</b>
Trung bình 20 ngày	4,030.02	-2.89%	1,895.34	-9.65%	424.46	-2.22%
	Tỷ trọng		Tỷ trọng		Tỷ trọng	
<b>Số mã tăng</b>	294	66%	26	87%	97	27%
<b>Số mã giảm</b>	95	21%	2	7%	60	17%
<b>Số mã đứng giá</b>	58	13%	2	7%	199	56%



Thị trường chứng khoán Việt Nam có phiên tăng điểm tích cực theo đà đi lên của thị trường chứng khoán thế giới. Mặc dù thanh khoản trong phiên hôm nay chỉ duy trì ở mức trung bình, lực cầu áp đảo hoàn toàn giúp các chỉ số trên 2 sàn đóng cửa gần như cao nhất trong phiên. Với phiên tăng điểm hôm nay, các chỉ số đã chính thức lấy lại toàn bộ mức giảm từ lúc Việt Nam ghi nhận ca nhiễm mới tại Đà Nẵng.

Trên sàn HoSE, VN-Index tăng hơn 8 điểm và đóng cửa tại mức 855.05 điểm (+0.96%). KLGD khớp lệnh đạt 236.1 triệu cổ phiếu (-1.0%), tương đương 3,914 tỷ đồng giá trị (+1.9%). Độ rộng thị trường nghiêng hoàn toàn về bên mua với 294 mã tăng so với chỉ 95 mã giảm.

Với các cổ phiếu trụ như Vietcombank-VCB (+1.1%), PV Gas-GAS (+2.0%), Sabeco-SAB (+2.3%), Vingroup-VIC (+0.7%) là động lực chính kéo điểm cho chỉ số. Bên cạnh đó, dòng tiền cũng hướng đến một số nhóm ngành đáng chú ý như ngân hàng, phân bón, khoáng sản và BĐS khu công nghiệp. Ở chiều ngược lại, Tập đoàn Cao su Việt Nam-GVR (-0.9%), ĐT Du lịch và PT Thủy sản-DAT (-6.9%), Novaland-NVL (-0.5%) và Eximbank-EIB (-1.2%) gây áp lực nhiều nhất cho chỉ số.

Khối ngoại có phiên bán ròng thứ 5 liên tiếp trên sàn HoSE với giá trị 135.0 tỷ đồng (+39.7%). Các cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất trong phiên hôm nay là Vinhomes-VHM (-108.8 tỷ), Đất Xanh-DXG (-21.9 tỷ), Masan-MSN (-11.5 tỷ). Trong khi đó, Vinamilk-VNM (+44.8 tỷ), Hòa Phát-HPG (+12.2 tỷ), Đông Hải Bến Tre-DHC (+7.7 tỷ) dẫn đầu danh sách mua ròng của khối ngoại.

Trên sàn Hà Nội, chỉ số HNX-Index cũng có diễn biến tăng nhẹ tương tự và đóng cửa tại mức 116.87 điểm (+0.66%).

## Giao dịch thỏa thuận

Mã CK	Khối lượng ('000 cp)	GTGD (tỷ đồng)
<b>HOSE</b>		
PNJ	2,179.6	127.29
GEX	5,000.0	102.50
VPB	1,761.4	35.63
SAM	1,785.0	19.68
HAVN	565.0	13.64
VIC	134.0	11.82
NAV	515.0	10.27
TNA	500.0	8.50
CRC	689.0	8.27
HPG	300.0	7.80
<b>HNX</b>		
VCG	21,900.0	473.04
ACB	1,210.0	27.76
S99	920.0	17.02
PMC	247.8	15.23
SHB	800.0	10.08
VC3	550.0	8.80
GKM	446.0	6.91
NVB	511.0	4.40
TKU	430.6	4.31
IDC	165.0	3.10

KLGD khớp lệnh đạt 38.4 triệu cổ phiếu (+2.1%), tương đương 415.0 tỷ đồng giá trị (-8.9%).

Vinaconex-VCG (+10.0%) là cổ phiếu đáng chú ý nhất trên sàn khi đảo chiều tăng trần sau phiên bán tháo mạnh hôm qua. Theo sau đó là các cổ phiếu trụ khác như Lâm nghiệp Việt Nam-VIF (+4.7%), Thaiholdings-THD (+5.5%), Ngân hàng SHB-SHB (+0.8%) và Ngân hàng Á Châu-ACB (+0.4%). Ở chiều ngược lại, Bảo hiểm PVI-PVI (-1.3%), Idico-IDC (-1.0%), Thực phẩm Bích Chi-BCF (-6.2%) và Dầu khí PTSC-PVS (-0.8%) là những cổ phiếu tác động tiêu cực lên chỉ số.

Khối ngoại bất ngờ gia tăng bán ròng trên sàn HNX trong phiên hôm nay với giá trị 24.0 tỷ đồng (+380.4%). Nguyên nhân chính đến từ việc khối ngoại chốt lời cổ phiếu PVS (-19.6 tỷ đồng) sau những phiên gom mua gần đây. Bên cạnh đó, In Nông Nghiệp-INN (-2.3 tỷ), Xi măng Bỉm Sơn-BCC (-2.0 tỷ), Khí Miền Nam-PGS (-0.9 tỷ) cũng nằm trong danh sách bán ròng nhiều của khối ngoại. Trái lại, các cổ phiếu được khối ngoại mua ròng nhiều là Vinaconex-VCG (+1.0 tỷ), Chứng khoán Bảo Việt-BVS (+0.4 tỷ), Thống Nhất-BAX (+0.2 tỷ).

Theo quan điểm kỹ thuật, VN Index có phiên tăng điểm thứ hai liên tiếp. Chỉ số cho tín hiệu thoát khỏi sức ép từ MA50 cùng với MA5 và 20 giữ trạng thái phân kỳ dương, cho thấy xu hướng phục hồi ngắn hạn đang mạnh lên. Thêm vào đó, chỉ báo MACD và RSI đang hướng lên tích cực, cho thấy chỉ số có cơ hội hướng tới ngưỡng mục tiêu 880-900 điểm. Đối với sàn Hà Nội, HNX Index cũng có phiên tăng điểm. Chỉ số tiến lên gần vùng đỉnh tháng 7 và duy trì đóng cửa trên MA20, kèm theo chùm MA5, 10, 20 đang giữ trạng thái phân kỳ dương tích cực, cho thấy xu hướng phục hồi ngắn hạn đang tiếp diễn và chỉ số có thể hướng lên vùng 120.6 điểm (đỉnh tháng 6). Nhìn chung, phiên tăng điểm ngày 13/8 cho thấy xu hướng phục hồi đang mạnh dần lên, thị trường có cơ hội hướng lên thử thách các ngưỡng kháng cự cao hơn. Do đó, nhà đầu tư nên tận dụng các phiên điều chỉnh rung lắc để gia tăng thêm một phần nhỏ tỷ trọng vào các cổ phiếu có cơ bản tốt, đang thu hút được dòng tiền mạnh.

## Thông kê top 5 cổ phiếu giao dịch khớp lệnh

### HOSE

#### Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
PLP	7.5	143.7	7.0%
FIT	9.6	2,316.2	7.0%
STG	16.1	14.0	7.0%
CDC	24.6	5.1	7.0%
TN1	63.2	1.5	6.9%

#### Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
DAT	85.7	3.9	-7.0%
L10	13.8	0.0	-6.8%
VSI	19.3	14.1	-6.8%
LM8	14.0	8.3	-6.7%
TCO	8.0	0.0	-6.7%

#### Top 5 giá trị

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
HPG	24.5	184.9	0.8%
VHM	79.4	160.2	0.0%
VNM	116.4	143.9	0.7%
CTG	23.8	122.1	1.5%
DBC	47.7	89.7	0.0%

#### Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
HQC	1.7	8,198.3	0.6%
HPG	24.5	7,562.9	0.8%
ITA	4.2	7,248.9	0.7%
STB	10.9	6,495.4	0.9%
OGC	4.2	6,253.1	6.9%

### HNX

#### Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
VIG	0.8	63.2	14.3%
SPI	1.0	558.1	11.1%
VCG	26.4	301.8	10.0%
KTS	9.9	2.5	10.0%
API	10.1	9.7	9.8%

#### Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
PGT	4.5	0.1	-10.0%
VTL	20.5	0.1	-9.7%
PDC	4.8	0.1	-9.4%
STP	6.8	1.0	-9.3%
VHE	3.9	11.7	-9.3%

#### Top 5 giá trị

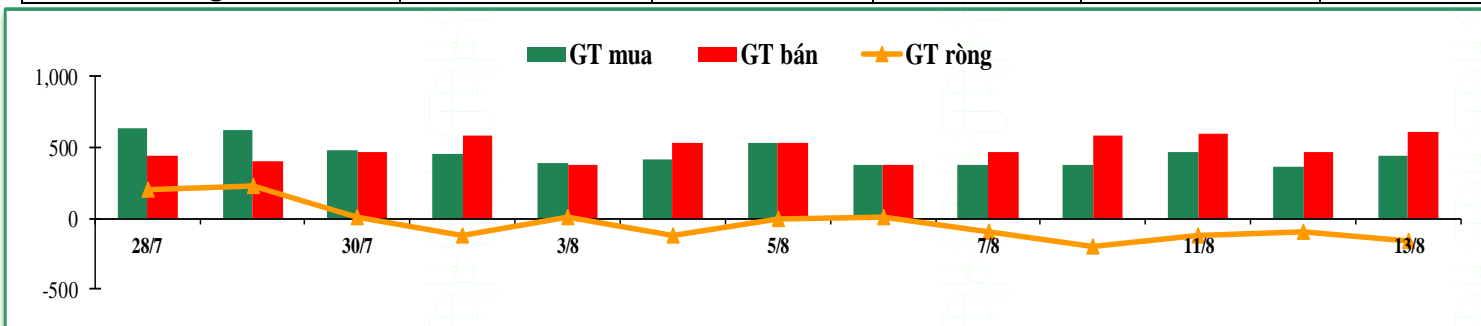
Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
ACB	25.5	96.8	0.4%
PVS	12.3	47.0	-0.8%
SHB	12.7	31.3	0.8%
NVB	8.5	29.1	-1.2%
MBG	5.5	23.3	-5.2%

#### Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
MBG	5.5	4,123.2	-5.2%
ACB	25.5	3,803.2	0.4%
PVS	12.3	3,791.0	-0.8%
NVB	8.5	3,427.9	-1.2%
CEO	7.0	3,202.3	1.5%

## Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài

Sàn GD	GT Mua	% Thị trường	GT Bán	% Thị trường	Mua-Bán
<b>HOSE</b>	439.4	11.2%	574.5	14.7%	-135.0
<b>HNX</b>	6.5	1.6%	30.5	7.4%	-24.0
<b>Tổng số</b>	<b>446.0</b>		<b>605.0</b>		<b>-159.0</b>



### HOSE

#### Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
PNJ	56.0	121.1	2.6%
VNM	116.4	70.2	0.7%
VIC	88.0	32.7	0.7%
GAS	72.6	23.0	2.0%
HPG	24.5	20.2	0.8%

#### Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VHM	79.4	127.4	0.0%
PNJ	56.0	121.1	2.6%
VIC	88.0	32.8	0.7%
VNM	116.4	25.3	0.7%
DXG	9.5	23.9	0.1%

#### Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VNM	116.4	44.8	0.7%
HPG	24.5	12.2	0.8%
DHC	45.7	7.7	2.7%
GAS	72.6	5.7	2.0%
DPM	14.4	5.4	4.0%

### HNX

#### Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
TKU	8.5	4.3	-7.6%
VCG	26.4	1.0	10.0%
BVS	9.8	0.6	0.0%
BAX	46.5	0.2	-3.5%
AMV	14.9	0.2	0.7%

#### Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
PVS	12.3	19.7	-0.8%
TKU	8.5	4.3	-7.6%
INN	23.2	2.3	-2.5%
BCC	6.7	2.0	0.0%
PGS	13.0	0.9	0.0%

#### Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VCG	26.4	1.0	10.0%
BVS	9.8	0.4	0.0%
BAX	46.5	0.2	-3.5%
NHP	0.6	0.2	0.0%
IDV	48.7	0.1	0.4%

## Tin trong nước

### **Cơ sở kinh doanh tạm dừng hoạt động trên 15 ngày được giảm 15% tiền thuê đất**

Thủ tướng vừa quyết định giảm tiền thuê đất năm 2020 cho các đối tượng bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19. Trong đó, doanh nghiệp, tổ chức, hộ gia đình (người thuê đất) bị ngừng sản xuất kinh doanh từ 15 ngày trở lên được giảm 15% tiền thuê đất phải nộp năm nay. Những trường hợp chậm nộp hoặc số tiền thuê đất còn nợ của những năm trước thì không thuộc đối tượng được giảm theo quyết định này.

### **MSCI không thay đổi thành phần danh mục cổ phiếu Việt Nam trong rổ Frontier Markets Index**

Tại ngày 31/7, tỷ trọng thị trường Việt Nam trong rổ MSCI Frontier Markets Index là 17,22%, lớn thứ 2 trong rổ chỉ số và chỉ xếp sau thị trường Kuwait (36,53%). Top 10 cổ phiếu lớn nhất danh mục MSCI Frontier Markets Index có 3 cái tên đến từ Việt Nam là VIC (3,3%), VNM (2,91%) và VHM (2,85%).

MSCI vừa công bố báo cáo cơ cấu danh mục định kỳ quý 3/2020 với rổ chỉ số MSCI Frontier Markets Index.

Theo đó, MSCI đã không có bất kỳ thay đổi nào với thành phần rổ chỉ số Frontier Markets Index trong kỳ review này, đồng nghĩa với việc số lượng cổ phiếu Việt Nam trong danh mục vẫn giữ nguyên ở con số 12.

Tại ngày 31/7, tỷ trọng thị trường Việt Nam trong rổ MSCI Frontier Markets Index là 17,22%, lớn thứ 2 trong rổ chỉ số và chỉ xếp sau thị trường Kuwait (36,53%). Top 10 cổ phiếu lớn nhất danh mục MSCI Frontier Markets Index có 3 cái tên đến từ Việt Nam là VIC (3,3%), VNM (2,91%) và VHM (2,85%).

Hiện có khá nhiều quỹ chủ động có quy mô hàng trăm triệu USD đang sử dụng benchmark là MSCI Frontier Markets Index, có thể kể tới như Schroder International Selection Fund, Templeton Frontier Markets Fund, Morgan Stanley Institutionam Fund, Magna Umbrella Fund,...Do đó, việc thay đổi thành phần cổ phiếu, cũng như tỷ trọng các quốc gia sẽ có ảnh hưởng không nhỏ tới biến động thị trường.

Theo ước tính của MSCI, tỷ trọng cổ phiếu Việt Nam trong rổ MSCI Frontier Markets Index sẽ tăng lên 25,2% và số lượng cổ phiếu lên con số 16 khi Kuwait được nâng hạng thị trường Emerging Markets. Điều này có thể giúp hàng trăm triệu USD đổ vào thị trường Việt Nam.

Tương tự, rổ chỉ số MSCI Frontier Markets Smallcap Indexes cũng không có bất kỳ sự thay đổi nào trong kỳ review quý 3 này.

Tính tới 31/7, tỷ trọng cổ phiếu Việt Nam trong danh mục MSCI Frontier Markets Smallcap Indexes là 11,38%, lớn thứ 3 sau Kuwait (17,69%) và Bangladesh (15,96%). Tuy vậy, hiện có khá ít các quỹ có quy mô lớn sử dụng MSCI Frontier Markets Smallcap Indexes làm benchmark. Do đó, mức độ ảnh hưởng của hoạt động cơ cấu chỉ số này là không lớn so với MSCI Frontier Markets Index.

Các bộ chỉ số thuộc MSCI sẽ có hiệu lực mới vào ngày 1/9 tới đây.



## Tin doanh nghiệp niêm yết

### Novaland rót hơn 1.600 tỷ đồng vào công ty BĐS An Phát

Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va (Novaland, HoSE: NVL) công bố sẽ góp thêm 1.612,5 tỷ đồng để tăng vốn điều lệ của Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Bất động sản An Phát. Thời gian thực hiện dự kiến trong quý III và sau góp vốn, Novaland tiếp tục nắm giữ 99,99% vốn An Phát.

BĐS An Phát là doanh nghiệp vừa mới thành lập hôm 6/8, hoạt động chính trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản. Công ty đang có vốn điều lệ 20 tỷ đồng với sở hữu của Novaland là 99,99%. Cổ đông còn lại là Huỳnh Phương Thảo góp 2 triệu đồng.

Nhằm tài trợ một phần cho việc tăng vốn An Phát, Novaland dự kiến chào bán trái phiếu riêng lẻ không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, có tài sản đảm bảo. Tổng giá trị của lần phát hành này là 1.290 tỷ đồng, được chia nhỏ làm 14 đợt (bao gồm 13 đợt có giá trị 95 tỷ đồng/đợt và 1 đợt 55 tỷ đồng).

Trái phiếu có kỳ hạn tối đa 24 tháng, trả lãi mỗi 6 tháng. Lãi suất áp dụng cho kỳ tính lãi đầu tiên là 10,5%/năm và thả nổi tính bằng lãi suất tham chiếu cộng thêm 2,4%/năm ở các kỳ sau đó.

### Imexpharm dự kiến phát hành gần 2,5 triệu cổ phiếu ESOP

Ngày 11/8, HĐQT Công ty Dược phẩm Imexpharm (HoSE: IMP) ban hành quyết định phát hành dự kiến gần 2,5 triệu cổ phiếu theo chương trình cho người lao động (ESOP), tương đương 5% vốn. Vốn điều lệ sẽ tăng lên gần 519 tỷ đồng sau phát hành.

Thời gian thực hiện trong quý III và quý IV/2020. Giá phát hành dự kiến là 12.000 đồng/cp, thấp hơn 72,5% giá kết phiên hôm 12/8.

Imexpharm cho biết thời gian hạn chế chuyển nhượng theo quy chế ESOP. Theo lần phát hành ESOP gần nhất vào tháng 3/2017, thời gian hạn chế chuyển nhượng là 3 năm kể từ ngày chào bán. Cụ thể, sau 12 tháng được chuyển nhượng 30%, sau 24 tháng được chuyển nhượng tiếp 30% và 40% còn lại được thực hiện sau 36 tháng.

Năm 2020, Imexpharm đặt kế hoạch tăng hơn 23% doanh thu lên 1.750 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế tăng hơn 28% lên 260 tỷ đồng.

### Masan Group muốn huy động 8.000 tỷ trái phiếu, một phần để trả nợ cho VinCommerce và góp vốn vào The Sherpa

#### Phát hành trái phiếu 4.000 tỷ đồng để trả nợ cho Vincommerce và góp vốn vào Sherpa

Tập đoàn Masan (Masan Group, HoSE: MSN) vừa công bố quyết định phát hành trái phiếu ra công chúng với tổng giá trị 4.000 tỷ đồng. Đây là trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền và không được bảo đảm tài sản, có kỳ hạn 3 năm và trả lãi 6 tháng/lần. Thời gian phát hành dự kiến từ quý IV, được chia ra thành 9 đợt.

Cụ thể, tổng giá trị phát hành trong 6 đợt đầu là 2.600 tỷ đồng được thực hiện từ quý IV/2020 hoặc năm 2021. Số tiền thu về dùng để thanh toán nợ vay nội bộ cho công ty con là CTCP Dịch vụ Thương mại Tổng hợp VinCommerce.

Đợt phát hành thứ 7,8 có giá trị 1.000 tỷ đồng sẽ được dùng để góp thêm vốn điều lệ vào công ty con là Công ty TNHH The Sherpa. Thông qua đó, công ty Sherpa cũng thực hiện tăng vốn điều lệ từ 517 tỷ lên 1.517 tỷ đồng, việc góp vốn có thể thực hiện trong một hoặc nhiều đợt.

Đợt phát hành thứ 9 có giá trị 400 tỷ đồng. Số tiền huy động này cho mục đích thanh toán nợ vay nội bộ cho công ty Vincommerce.

Tuỳ theo kế hoạch sử dụng vốn mỗi đợt và thời gian chào bán, Masan Group đưa ra mức chi trả lãi suất khác nhau. Trong đó, các đợt 3, 6 và 9 sẽ có mức lãi suất cao nhất 10%/năm trong 2 kỳ thanh toán lãi đầu tiên, các kỳ tiếp theo bằng lãi thả nổi (4%/năm + lãi tham chiếu).

Các đợt 1,4,7 có lãi suất cố định 9,8%/năm trong 2 kỳ đầu và lãi suất thả nổi 3,8%/năm. Các đợt 2,5,8 có lãi suất cố định 9,9%/năm trong 2 kỳ đầu và lãi suất thả nổi 3,9%/năm

## Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	DHC	Nắm giữ	04/08/20	45.7	41.6	9.9%	52.1	25.2%	40.3	-3.1%	Xu hướng tăng mạnh và vượt kháng cự
2	SAB	Mua	14/08/20	183	183	0.0%	206	12.6%	177	-3.3%	Cổ phiếu có tín hiệu quay lại xu hướng phục hồi

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Hỗ trợ / Kháng cự	Tín hiệu kỹ thuật
1	VRE	Quan sát mua	14/08/20	26.85	28.5   31	Đang tích lũy ngắn hạn + có phiên tăng cắt lên lại các đường MA kèm vol tăng -> khả năng sớm có phiên breakout nền
2	PNJ	Quan sát mua	14/08/20	56	60.5-61   65	Đang tích lũy ngắn hạn + có phiên tăng vol tăng trở lại -> khả năng sớm có phiên breakout nền
3	KDH	Quan sát mua	14/08/20	24.55	26   27-27.3	Phiên bật tăng tốt trở lại khi về vùng hỗ trợ EMA -> khả năng kết thúc nhịp chỉnh test đáy và quay lại nhịp tăng
4	HT1	Quan sát mua	14/08/20	13.8	15	Phiên bật tăng tốt trở lại từ vùng hỗ trợ quanh 13.4 + vol cao -> có thể cân nhắc tham gia khi giá điều chỉnh về vùng 13.6-137
5	NTL	Quan sát mua	14/08/20	15.6	16.5	Phiên breakout nền tích lũy kèm vol tăng cao -> có thể cân nhắc tham gia khi giá điều chỉnh về vùng 15.4-15.5

## Danh mục cổ phiếu đã khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	CTG	Mua	04/08/20	23.75	21.75	9.2%	24	10.3%	21	-3%	
2	DHC	Nắm giữ	04/08/20	45.7	41.6	9.9%	52.1	25.2%	40.3	-3%	
3	VHC	Mua	05/08/20	37.25	35.55	4.8%	38.3	8%	34	-4%	

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

4	BFC	Mua	07/08/20	13.6	12.2	11.5%	14.4	18%	11.8	-3%	
5	HPG	Mua	10/08/20	24.5	24.2	1.2%	26.6	10%	23.2	-4%	
6	PAC	Mua	13/08/20	23.7	23.6	0.4%	25.9	10%	22.3	-6%	

## Danh mục chứng quyền có đảm bảo

Mã chứng quyền (*)	Thông kê giao dịch chứng quyền ngày 13/08/2020									Thông tin chứng quyền				
	Giá phát hành (VND)	Giá đóng cửa (VND)	Tăng/giảm trong ngày (%)	Tăng/giảm so với giá phát hành (%)	KL chứng quyền khớp lệnh	Số ngày tới hạn	Giá CKCS (VND)	Giá chứng quyền mua lý thuyết (**) (VND)	Chênh lệch so với giá đóng cửa	CTCKPH	CKCS	Giá thực hiện quyền (VND)	Tỷ lệ chuyển đổi n:1	Ngày đáo hạn
CCTD2001	1,540	1,550	4.7 %	1%	12,085	125	78,700	449	(1,101)	KIS	CTD	80,888	10	16/12/2020
CFPT2003	7,300	8,810	5.1 %	21%	4,778	88	47,950	679	(8,131)	SSI	FPT	50,000	1	09/11/2020
CFPT2006	1,500	1,440	5.9 %	-4%	819	77	47,950	927	(513)	HCM	FPT	44,386	4	29/10/2020
CFPT2007	1,690	1,330	3.1 %	-21%	17,730	71	47,950	948	(382)	MBS	FPT	43,500	5	23/10/2020
CHDB2005	1,080	640	6.7 %	-41%	2	53	27,100	120	(520)	KIS	HDB	27,327	4	05/10/2020
CHDB2006	2,180	1,930	5.5 %	-11%	20,689	56	27,100	1,265	(665)	MBS	HDB	24,700	2	08/10/2020
CHPG2005	2,100	10,550	-2.6 %	402%	5,313	49	24,500	5,577	(4,973)	VND	HPG	19,000	1	01/10/2020
CHPG2006	1,500	4,050	2.8 %	170%	3,641	34	24,500	1,271	(2,779)	KIS	HPG	22,020	2	16/09/2020
CHPG2008	4,100	4,150	4.8 %	1%	7,928	109	24,500	148	(4,002)	SSI	HPG	28,000	1	30/11/2020
CHPG2009	1,600	3,970	2.9 %	148%	5,905	77	24,500	1,114	(2,856)	HCM	HPG	22,500	2	29/10/2020
CHPG2012	6,100	6,000	2.0 %	-2%	3,735	158	24,500	826	(5,174)	SSI	HPG	26,500	1	18/01/2021
CHPG2013	6,900	7,130	2.3 %	3%	1,724	110	24,500	1,401	(5,729)	SSI	HPG	24,000	1	01/12/2020
CHPG2014	7,200	7,140	2.0 %	-1%	5,475	249	24,500	1,719	(5,421)	SSI	HPG	26,500	1	19/04/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.



CHPG2015	6,700	6,540	1.9 %	-2%	6,232	200	24,500	1,231	(5,309)	SSI	HPG	26,500	1	01/03/2021
CMBB2003	2,000	1,070	3.9 %	-47%	2,418	88	16,950	179	(891)	SSI	MBB	18,000	1	09/11/2020
CMBB2005	2,000	400	11.1 %	-80%	420	74	16,950	2	(398)	VCI	MBB	20,000	1	26/10/2020
CMBB2006	1,100	900	5.9 %	-18%	3,916	77	16,950	381	(519)	HCM	MBB	16,500	2	29/10/2020
CMSN2001	2,300	720	-2.7 %	-69%	2,420	125	54,400	23	(697)	KIS	MSN	65,789	5	16/12/2020
CMSN2002	2,000	300	3.5 %	-85%	34,663	34	54,400	0	(300)	KIS	MSN	62,999	4	16/09/2020
CMSN2004	1,980	500	-2.0 %	-75%	4,244	22	54,400	40	(460)	MBS	MSN	55,000	5	04/09/2020
CMSN2005	2,100	640	0 %	-70%	11,565	77	54,400	27	(613)	HCM	MSN	60,000	5	29/10/2020
CMWG2005	2,500	2,300	29.2 %	-8%	1,717	49	82,200	7	(2,293)	VND	MWG	92,000	2	01/10/2020
CMWG2006	2,000	210	5.0 %	-90%	860	74	82,200	0	(210)	VCI	MWG	110,000	5	26/10/2020
CMWG2007	12,900	6,350	20.7 %	-51%	1,173	109	82,200	1,892	(4,458)	SSI	MWG	87,000	1	30/11/2020
CMWG2008	1,300	650	20.4 %	-50%	41,564	75	82,200	144	(506)	HCM	MWG	85,000	10	27/10/2020
CMWG2009	1,600	930	19.2 %	-42%	46,879	71	82,200	325	(605)	MBS	MWG	82,000	8	23/10/2020
CNVL2001	2,300	1,900	-1.6 %	-17%	7,361	125	64,100	275	(1,625)	KIS	NVL	65,888	4	16/12/2020
CNVL2002	2,000	2,950	-3.3 %	48%	3	209	64,100	1,195	(1,755)	KIS	NVL	59,889	5	10/03/2021
CPNJ2002	2,400	700	16.7 %	-71%	342	49	56,000	0	(700)	VND	PNJ	69,000	2	01/10/2020
CPNJ2003	2,000	230	9.5 %	-89%	210	74	56,000	0	(230)	VCI	PNJ	75,000	5	26/10/2020
CPNJ2004	1,000	20	0 %	-98%	43,166	5	56,000	-	(20)	MBS	PNJ	67,000	5	18/08/2020
CPNJ2005	1,000	400	14.3 %	-60%	6,056	77	56,000	40	(360)	HCM	PNJ	60,000	10	29/10/2020
CREE2003	1,000	1,290	10.3 %	29%	7,329	77	35,300	1,098	(192)	HCM	REE	30,000	5	29/10/2020
CREE2004	1,570	2,250	9.2 %	43%	30,256	71	35,300	1,991	(259)	MBS	REE	29,500	3	23/10/2020
CROS2002	1,000	210	-8.7 %	-79%	10,455	125	2,320	(0)	(210)	KIS	ROS	7,227	1	16/12/2020
CSBT2001	2,900	-	0 %	-100%	-	125	14,050	0	0	KIS	SBT	21,111	1	16/12/2020
CSTB2002	1,700	1,090	0 %	-36%	17,746	125	10,850	208	(882)	KIS	STB	11,888	1	16/12/2020
CSTB2003	1,360	670	-23.0 %	-51%	3,157	34	10,850	57	(613)	KIS	STB	11,111	1	16/09/2020
CSTB2004	1,400	1,060	3.9 %	-24%	28,053	109	10,850	435	(625)	SSI	STB	11,000	1	30/11/2020
CSTB2005	1,080	530	6.0 %	-51%	11,751	82	10,850	39	(491)	KIS	STB	11,811	2	03/11/2020
CSTB2006	1,500	890	1.1 %	-41%	51	235	10,850	204	(686)	KIS	STB	12,888	2	05/04/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CTCB2003	2,000	320	0 %	-84%	762	74	19,800	0	(320)	VCI	TCB	25,000	1	26/10/2020
CTCB2004	1,050	1,270	5.8 %	21%	2,646	5	19,800	1,404	134	MBS	TCB	17,000	2	18/08/2020
CTCB2005	3,000	1,250	4.2 %	-58%	3,488	109	19,800	175	(1,075)	SSI	TCB	22,000	1	30/11/2020
CTCB2006	1,200	1,420	2.9 %	18%	10,282	77	19,800	978	(442)	HCM	TCB	18,000	2	29/10/2020
CVHM2001	3,100	1,200	2.6 %	-61%	9,060	125	79,400	68	(1,132)	KIS	VHM	94,567	5	16/12/2020
CVHM2002	11,500	9,660	2.0 %	-16%	10,723	109	79,400	4,899	(4,761)	SSI	VHM	77,000	1	30/11/2020
CVHM2003	1,000	1,310	2.3 %	31%	11,586	77	79,400	991	(319)	HCM	VHM	70,000	10	29/10/2020
CVHM2004	1,490	-	0 %	-100%	-	53	79,400	6	6	KIS	VHM	86,868	10	05/10/2020
CVJC2001	2,400	-	0 %	-100%	-	125	101,600	0	0	KIS	VJC	173,137	10	16/12/2020
CVJC2002	1,900	520	8.3 %	-73%	1,154	77	101,600	2	(518)	HCM	VJC	116,000	10	29/10/2020
CVJC2003	1,670	320	6.7 %	-81%	2	53	101,600	0	(320)	KIS	VJC	123,456	10	05/10/2020
CVNM2003	1,450	2,400	0.4 %	66%	8,949	22	116,400	2,257	(143)	MBS	VNM	94,000	10	04/09/2020
CVNM2004	17,500	11,830	2.7 %	-32%	3,168	109	116,400	3,709	(8,121)	SSI	VNM	118,000	1	30/11/2020
CVNM2005	1,500	1,970	2.1 %	31%	4,528	77	116,400	1,409	(561)	HCM	VNM	103,000	10	29/10/2020
CVNM2006	1,530	530	3.9 %	-65%	1	53	116,400	0	(530)	KIS	VNM	131,313	10	05/10/2020
CVNM2007	2,400	1,470	0 %	-39%	9,920	209	116,400	182	(1,288)	KIS	VNM	138,888	10	10/03/2021
CVPB2005	1,510	1,020	2.0 %	-32%	13,063	5	21,750	1,129	109	MBS	VPB	19,500	2	18/08/2020
CVPB2006	3,400	1,410	3.7 %	-59%	6,543	109	21,750	319	(1,091)	SSI	VPB	24,000	1	30/11/2020
CVPB2007	1,700	860	1.2 %	-49%	40,790	77	21,750	222	(638)	HCM	VPB	22,500	2	29/10/2020
CVRE2003	3,000	480	6.7 %	-84%	56,239	125	26,850	3	(477)	KIS	VRE	37,999	2	16/12/2020
CVRE2005	4,000	2,290	10.6 %	-43%	2,580	109	26,850	824	(1,466)	SSI	VRE	28,000	1	30/11/2020
CVRE2006	1,100	1,250	7.8 %	14%	3,798	77	26,850	1,003	(247)	HCM	VRE	23,000	4	29/10/2020
CVRE2007	1,520	680	1.5 %	-55%	33,674	235	26,850	170	(510)	KIS	VRE	33,333	5	05/04/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

## Cập nhật danh mục cổ phiếu phân tích

Mã CK	Sàn	Thị giá	Giá mục tiêu*	Ngày ra báo cáo	Lợi nhuận 2020E (tỷ)	EPS 2020E	BV 2020E	ROE 2020E	ROA 2020E	PE 2020E	PB 2020E	Cổ tức dự kiến**
<a href="#">VPB</a> (New)	HOSE	21,750	22,088	12/08/2020	8,558	3,511	20,826	18%	2%	6.3	1.1	0%
<a href="#">BMP</a> (New)	HOSE	51,900	55,800	07/08/2020	491	6,001	30,994	19%	17%	9.2	1.8	40%
<a href="#">MSH</a> (New)	HOSE	29,550	36,500	04/08/2020	21	428	20,629	2%	1%	85.2	1.8	25%
<a href="#">PNJ</a>	HOSE	56,000	66,500	04/08/2020	836	3,713	21,769	17%	10%	17.9	3.1	8%
<a href="#">CTR</a>	UPCOM	41,400	42,400	03/08/2020	191	3,152	13,146	20%	8%	16.2	3.4	10%
<a href="#">STK</a>	HOSE	15,100	17,500	03/08/2020	102	1,448	15,252	10%	5%	12.1	1.2	15%
<a href="#">DGW</a>	HOSE	42,500	47,200	28/07/2020	205	4,759	25,703	18%	8%	9.9	1.8	20%
<a href="#">SBT</a>	HOSE	14,050	16,900	21/07/2020	725	1,192	14,313	8%	4%	14.1	1.2	5%
<a href="#">TCM</a>	HOSE	22,300	24,000	14/07/2020	211	3,402	25,343	13%	7%	7.1	0.9	-
<a href="#">VGI</a>	UPCOM	26,500	28,300	10/07/2020	499	387	9,298	2%	1%	73.2	3.1	0%
<a href="#">SAB</a>	HOSE	183,000	157,000	04/07/2020	4,799	7,094	32,249	23%	19%	22.1	4.9	35%
<a href="#">VJC</a>	HOSE	101,600	84,630	01/07/2020	83	153	33,994	0%	0%	553.1	2.5	0%
<a href="#">ANV</a>	HOSE	16,600	19,728	25/06/2020	315	2,474	21,175	12%	8%	8.0	0.9	10%
<a href="#">PVD</a>	HOSE	10,700	10,500	23/06/2020	68	163	33,029	0%	0%	64.4	0.3	0%
<a href="#">MPC</a>	UPCOM	26,300	32,600	12/06/2020	482	2,449	26,670	9%	5%	12.3	1.1	50%
<a href="#">PLX</a>	HOSE	46,600	50,160	09/06/2020	2,166	1,674	18,941	9%	4%	30.0	2.7	20%
<a href="#">OIL</a>	UPCOM	7,700	7,870	01/06/2020	(23)	-	9,887	-	-	-	0.8	0%
<a href="#">VNM</a>	HOSE	116,400	137,000	28/05/2020	10,551	6,057	15,716	39%	22%	22.8	8.8	50%
<a href="#">GEG</a>	HOSE	17,450	23,400	22/05/2020	321	1,184	12,652	10%	4%	17.6	1.9	-
<a href="#">NVL</a>	HOSE	64,100	62,430	22/05/2020	2,993	3,122	25,625	11%	3%	20.3	2.1	-

\* Giá mục tiêu chưa điều chỉnh cổ tức sau ngày báo cáo.

\*\* Tỷ lệ cổ tức dự kiến năm 2020 trên mệnh giá.

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

**Đảm bảo phân tích**

Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

**Định nghĩa xếp loại**

**Overweight (OW)** =cao hơn thị trường nội địa trên 10%

**Neutral (N)** =bằng thị trường nội địa với tỷ lệ từ +10%~ -10%

**Underweight (UW)** =thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%.

**Not Rated (NR)** = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết.

Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

**Miễn trách**

Thông tin này được tổng hợp từ các nguồn mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy, nhưng chúng tôi không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của nó. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Chứng khoán Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Chứng khoán Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của chúng tôi vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

**© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS).**

Tòa nhà CR3-03A, Tầng 3, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5479

Fax: (84-28) 5 413 5472

Customer Service: (84-28) 5 411 8855 Call Center: (84-28) 5 413 5488

E-mail: [info@phs.vn](mailto:info@phs.vn) / [support@phs.vn](mailto:support@phs.vn) Web: [www.phs.vn](http://www.phs.vn)

**PGD Phú Mỹ Hưng**

Tòa nhà CR2-08, 107 Tôn Dật Tiên, P. Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5478

Fax: (84-28) 5 413 5473

**Chi nhánh Quận 3**

Tầng 2, Tòa nhà Phương Nam, 157 Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

**Chi Nhánh Thanh Xuân**

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Phone: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

**Chi nhánh Tân Bình**

Tầng trệt, P. G.4A, Tòa nhà E-Town 2, 364 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, Tp.HCM.

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415

**Chi Nhánh Hà Nội**

Tầng 5, Tòa nhà Vinafor, 127 Lò Đúc, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Phone: (84-24) 3 933 4566

Fax: (84-24) 3 933 4820

**Chi nhánh Hải Phòng**

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Phone: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.